

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên: Quách Thị Kim Tuyến

Môn học: Địa lí

Trường: Trường THPT Đoàn Thị Điểm

NĂM HỌC 2020-2021

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA

SỔ GHI ĐIỂM
CỦA GIÁO VIÊN

Họ và tên giáo viên: Quách Thị Kim Tuyến

Môn học: Địa lí

Lớp giảng dạy: 10A1, 10A2, 12C4, 12C5, 12C6

Trường: Trường THPT Đoàn Thị Điểm

NĂM HỌC 2020-2021

LỚP: 10A1

MÔN: ĐỊA LÍ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Lê Đức Anh											
2	Nguyễn Thảo Duyên											
3	Nguyễn Thu Hằng											
4	Nguyễn Thu Hiền											
5	Nguyễn Bảo Minh Hoàng											
6	Đặng Hoàng Gia Khiêm											
7	Trần Khoa											
8	Lê Vũ Khánh Linh											
9	Nguyễn Hải Huyền Linh											
10	Trần Lê Khánh Linh											
11	Nguyễn Thị Thu Loan											
12	Nguyễn Thị Xuân Mai											
13	Phạm Thị Ngọc Mai											
14	Nguyễn Lê Hoài Minh											
15	Nguyễn Kim Ngân											
16	Nguyễn Nguyên Bảo Ngọc											
17	Nguyễn Lương Nguyên											
18	Trần Ngọc Cẩm Nguyên											
19	Bùi Trần Tuyết Nhi											
20	Lê Thị Yến Nhi											
21	Nguyễn Bùi Yến Nhi											
22	Trần Thị Phi Nhung											
23	Trương Trúc Hoàng Như											
24	Bùi Trọng Phúc											
25	Nguyễn Thái Khánh Quyên											
26	Nguyễn Thị Ngọc Thảo											
27	Đinh Thị Ngọc Thi											
28	Nguyễn Tấn Thịnh											
29	Nguyễn Thanh Thùy											
30	Trần Thanh Thúy											
31	Nguyễn Anh Thư											
32	Nguyễn Thị Minh Thư											
33	Phan Thị Minh Thư											
34	Nguyễn Thùy Trang											
35	Nguyễn Thùy Trâm											
36	Lê Huỳnh Bảo Trân											
37	Phạm Dương Bảo Trân											
38	Nguyễn Ngọc Hoàng Triều											
39	Lê Huỳnh Đăng Trinh											
40	Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh											
41	Hà Thị Cẩm Tú											
42	Dương Quốc Tuấn											
43	Lê Ngọc Thu Vân											
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)												
- Giỏi: 0 - 0%												
- Khá: 0 - 0%												
- Trung bình: 0 - 0%												
- Yếu: 0 - 0%												
- Kém: 0 - 0%												

LỚP: 10A2

MÔN: ĐỊA LÍ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Nguyễn Ngọc Khánh An											
2	Đàm Tổ Anh											
3	Trần Nguyễn Hoài Anh											
4	Lê Gia Bảo											
5	Trần Thị Diễm											
6	Đặng Thị Huyền Diệu											
7	Nguyễn Hồng Dương											
8	Nguyễn Văn Tiến Đạt											
9	Lê Thị Đoan											
10	Trần Thị Ngọc Hà											
11	Trịnh Minh Hạnh											
12	Võ Ngọc Bích Hào											
13	Trần Thị Ngọc Hân											
14	Nguyễn Kiều Trung Hiếu											
15	Tạ Công Hiếu											
16	Trần Thị Minh Hòa											
17	Lê Nguyễn Quốc Huy											
18	Trần Quốc Huy											
19	Nguyễn Ngọc Phương Huyền											
20	Nguyễn Ngọc Phương Huyền											
21	Nguyễn Ngọc Vân Huyền											
22	Phạm Huỳnh Thanh Hưng											
23	Phan Hoàng Khang											
24	Thái Thị Thùy Linh											
25	Nguyễn Khánh My											
26	Lưu Hồng Nam											
27	Trương Thị Bích Ngà											
28	Nguyễn Ngọc Thủy Ngân											
29	Lê Khánh Nguyên											
30	Nguyễn Bảo Phong											
31	Nguyễn Thanh Phong											
32	Trần Lê Hoàng Phúc											
33	Nguyễn Thanh Sơn											
34	Nguyễn Ngọc Thảo											
35	Nguyễn Lê Anh Thư											
36	Thái Thư											
37	Nguyễn Thùy Trang											
38	Võ Quốc Trường											
39	Nguyễn Minh Tú											
40	Huỳnh Quang Tuấn											
41	Võ Anh Tuấn											
42	Nguyễn Hoàng Yến											
43	Trần Thị Ngọc Mẫn											

Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)

- Giỏi: 0 - 0%

- Yếu: 0 - 0%

- Khá: 0 - 0%

- Kém: 0 - 0%

- Trung bình: 0 - 0%

LỚP: 12C4

MÔN: ĐỊA LÍ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)						Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)						ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M			V											
1	Lã Thúy Anh															
2	Nguyễn Hoàng Kim Anh															
3	Nguyễn Huỳnh Nhật Anh															
4	Trịnh Thế Bảo															
5	Nguyễn Văn Đạt															
6	Nguyễn Thị Bích Giang															
7	Thái Thị Hậu															
8	Trần Thị Thanh Hiền															
9	Phùng Đức Hiếu															
10	Nguyễn Lê Ngọc Hoài															
11	Phạm Thị Thu Huyền															
12	Nguyễn Ngọc Dư Huỳnh															
13	Đỗ Văn Hùng															
14	Nguyễn Ngọc Hưng															
15	Nguyễn Thị Hương															
16	Phạm Nguyễn Bình Hương															
17	Nguyễn Minh Khoa															
18	Lê Nguyễn Phương Linh															
19	Nguyễn Khánh Linh															
20	Nguyễn Huỳnh Phi Long															
21	Lê Thanh Ngân															
22	Nguyễn Văn Nghĩa															
23	Nguyễn Thị Bích Ngọc															
24	Nguyễn Thị Thảo Nguyên															
25	Ngô Thị Quỳnh Như															
26	Mai Thành Phát															
27	Nguyễn Đức Phú															
28	Trương Trần Phú															
29	Hoàng Đình Phúc															
30	Nguyễn Thành Phụng															
31	Nguyễn Xuân Quát															
32	Lê Thị Ngọc Quyên															
33	Nguyễn Đăng Thanh Sang															
34	Huỳnh Thị Kim Thoa															
35	Đinh Vũ Dạ Thu															
36	Nguyễn Hoàng Anh Thư															
37	Trương Nữ Nhật Cẩm Tiên															
38	Trần Minh Toàn															
39	Nguyễn Hữu Trung															
40	Nguyễn Quốc Trung															
41	Nguyễn Thị Hoàng Trúc															
42	Chế Lê Thị Kim Tuyền															
43	Trương Nữ Nhật Cẩm Tú															
44	Phan Thị Phương Uyên															
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)																
- Giỏi: 0 - 0%																
- Khá: 0 - 0%																
- Trung bình: 0 - 0%																
- Yếu: 0 - 0%																
- Kém: 0 - 0%																

LỚP: 12C5

MÔN: ĐỊA LÍ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M		V								
1	Nguyễn Ngọc Lan Anh											
2	Đinh Ngọc Linh Chi											
3	Trương Minh Chiến											
4	Trần Đoàn Giang											
5	Lê Văn Hiên											
6	Trần Ngọc Hoài											
7	Nguyễn Đỗ Thanh Huyền											
8	Nguyễn Ngọc Huyền											
9	Đào Thị Thu Hương											
10	Nguyễn Thị Trúc Linh											
11	Vũ Hoàng Khánh Linh											
12	Lê Văn Long											
13	Nguyễn Phi Long											
14	Nguyễn Thị Trà My											
15	Nguyễn Thị Kim Ngân											
16	Nguyễn Thị Kim Ngân											
17	Thái Thị Diệu Ngân											
18	Vũ Huỳnh Bích Ngọc											
19	Nguyễn Ngọc Nhớ											
20	Mai Anh Phi											
21	Dương Ngọc Song Quyên											
22	Nguyễn Trần Lê Quyên											
23	Nguyễn Cao Sang											
24	Thái Xuân Sang											
25	Phạm Văn Tín Thành											
26	Lê Như Thoa											
27	Nguyễn Thị Thu Thủy											
28	Đào Thị Thanh Thủy											
29	Phạm Thị Thu Trang											
30	Nguyễn Thị Bích Trâm											
31	Nguyễn Vũ Bảo Trâm											
32	Nguyễn Thị Lệ Trinh											
33	Nguyễn Thị Ngọc Trinh											
34	Nguyễn Trịnh Đức Trí											
35	Lê Anh Trọng											
36	Trần Bảo Trung											
37	Nguyễn Trọng Tuấn											
38	Trương Thị Mỹ Vân											
39	Huỳnh Thị Kim Yến											
40	Mang Thị Diệu											
41	Võ Thị Mỹ Diệu											
42	Thân Thái Đạt											
43	Trần Tiến Đức											
44	Nguyễn Thị Thủy Dương											
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)												
- Giỏi: 0 - 0%												
- Khá: 0 - 0%												
- Trung bình: 0 - 0%												
- Yếu: 0 - 0%												
- Kém: 0 - 0%												

LỚP: 12C6

MÔN: ĐỊA LÍ

HỌC KỲ I

Số TT	Họ và tên học sinh	Điểm HS I (hoặc xếp loại KT TX)				Điểm HS II (hoặc xếp loại KT định kỳ)				ĐKT hk (hoặc XL)	TBm (hoặc XL)	Ghi chú
		M	V									
1	Trần Thanh An											
2	Võ Hoàng Vân Anh											
3	Trương Thế Bảo											
4	Lê Hưng Chung											
5	Mang Thị Tuyết Diệu											
6	Nguyễn Phúc Duy											
7	Nguyễn Nguyễn Quốc Dũng											
8	Phạm Quỳnh Đức											
9	Phan Thị Khánh Giang											
10	Phạm Thanh Phương Hằng											
11	Trương Thị Khánh Hằng											
12	Đặng Thị Gia Hân											
13	Võ Ngọc Gia Hân											
14	Nguyễn Thị Kim Hiền											
15	Nguyễn Thị Thu Hiền											
16	Nguyễn Hằng Đức Hòa											
17	Phan Nguyễn Nhật Học											
18	Phan Quốc Huy											
19	Ngô Nguyễn Ngọc Huyền											
20	Nguyễn Quốc Khải											
21	Cao Thị Ky											
22	Nguyễn Trần Nhật Lệ											
23	Nguyễn Thị Kim Liên											
24	Mã Thạch Lực											
25	Nguyễn Công Minh											
26	Nguyễn Thị Thanh Na											
27	Huỳnh Kim Ngân											
28	Nguyễn Ngọc Nhi											
29	Nguyễn Thị Hồng Phúc											
30	Trần Ngọc Phúc											
31	Nguyễn Ngọc Thảo Quyên											
32	Võ Ngọc Như Quỳnh											
33	Nguyễn Thị Quý											
34	Nguyễn Văn Thành											
35	Nguyễn Thị Thu Thảo											
36	Võ Thị Thu Thảo											
37	Thái Thu											
38	Trần Quang Trường											
39	Đỗ Hoàng Thu Vân											
40	Trần Nhật Vy											
41	Nguyễn Thị Thanh Ngân											
42	Lương Đức Anh											
43	Võ Ngọc Hiệp											
44	Nông Đức Thiện											
Số học sinh đạt HKI (Số học sinh - tỷ lệ %)												
- Giỏi: 0 - 0%												
- Khá: 0 - 0%												
- Trung bình: 0 - 0%												
- Yếu: 0 - 0%												
- Kém: 0 - 0%												



